

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

1	<b>Tên Công ty quản lý quỹ:</b> <i>Fund Management Company:</i>	<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam</b> <i>Vietnam Investment Fund Management Joint Stock Company</i>
2	<b>Tên Ngân hàng giám sát:</b> <i>Supervising bank:</i>	<b>Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)</b> <i>Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.</i>
3	<b>Tên Quỹ:</b> <i>Fund name:</i>	<b>Quỹ ETFVN30</b> <i>VFMVN30 ETF</i>
4	<b>Kỳ báo cáo:</b> <i>Reporting period:</i>	<b>Từ ngày 02 tháng 03 đến ngày 08 tháng 03 năm 2018</b> <i>From 02 Mar to 08 Mar 2018</i>
5	<b>Ngày lập báo cáo:</b> <i>Reporting Date:</i>	<b>Ngày 09 tháng 03 năm 2018</b> <i>09 Mar 2018</i>

Đơn vị tính: VND/%  
Unit: VND/%

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	Code	Ngày 08 tháng 03 năm 2018 08 Mar 2018	Ngày 01 tháng 03 năm 2018 01 Mar 2018
A	<b>Giá trị tài sản ròng</b> <i>Net Asset Value</i>	<b>2100</b>		
A.1	<b>Giá trị tài sản ròng (NAV) đầu kỳ</b> <i>Net Asset Value (NAV) at the beginning of period</i>	2101		
	<i>của quỹ/ per Fund</i>	2102	5,394,003,203,256	5,184,517,514,134
	<i>của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate</i>	2102.1	1,810,675,798	1,742,109,380
	<i>của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate</i>	2103	18,106.75	17,421.09
A.2	<b>Giá trị tài sản ròng (NAV) cuối kỳ</b> <i>Net Asset Value (NAV) at the end of period</i>	2104		
	<i>của quỹ/ per Fund</i>	2105	5,246,462,471,567	5,394,003,203,256
	<i>của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate</i>	2105.1	1,809,124,990	1,810,675,798
	<i>của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate</i>	2106	18,091.24	18,106.75
A.3	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ, trong đó:</b> <i>Change of NAV per Fund Certificate during period, in which:</i>	2107		
	Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ <i>Changes of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period</i>	2108	469.06	670.20
	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ <i>Change of Net Asset Value related to investors during the period</i>	2109	(484.57)	15.46
	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ <i>Change of Net Asset Value due to profit distribution to investors during the period</i>	2109.1	-	-
	Thay đổi GTTSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ <i>Change of Net Asset Value due to subscription, redemption during the period</i>	2109.2	(484.57)	15.46
A.4	<b>Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b> <i>Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks</i>	2110		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)</i>	2111	5,454,943,645,688	5,454,943,645,688
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)</i>	2112	422,219,355,267	422,219,355,267
B	<b>Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ</b> <i>Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date)</i>	2114		
B.1	<b>Giá trị đầu kỳ</b> <i>Beginning period Value</i>	2115	18,150	17,450
B.2	<b>Giá trị cuối kỳ</b> <i>Ending period Value</i>	2116	18,100	18,150
B.3	<b>Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước</b> <i>Change of market value during the period in comparison to the last period</i>	2117	(50.00)	700.00
B.4	<b>Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ</b> <i>Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate</i>	2118		
	<i>Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)</i>	2119	8.76	43.25
	<i>Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ Relative difference (discount(-)/ premium(+))</i>	2120	0.05%	0.24%
B.5	<b>Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b> <i>Highest/lowest Market Value within latest 52 weeks</i>	2121		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)</i>	2122	18,500	18,500
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)</i>	2123	10,830	10,690



Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát  
*Authorized Representative of Supervisory Bank*

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)  
Vũ Hương Giang  
Phó Phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán



Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ  
*Authorized Representative of Fund Management Company*

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
Trần Thanh Tài  
Tổng giám đốc